

Bản án số: **72/2025/HS-ST**
Ngày 29-9-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Đức.

Bà Bùi Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án của Tòa án khu vực 11 - Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025 đối với:

Bị cáo: **N.Đ.A**, sinh năm 19.. tại thành phố Hà Nội. Nơi thường trú: Số ..., ngõ ../.., đường K, phường T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đ.H.A2 và bà N.T.M1; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là A.T.H.T1 và 03 con (sinh năm 2017, 2019, 2023); Tiền án: Ngày 30/11/2020, bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/12/2010, bị Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội đưa vào trường giáo dưỡng 12 tháng; Ngày 20/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; Ngày 22/7/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội xử phạt 32 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 16/4/2025, bị tạm giữ từ ngày 16/4/2025, tạm giam từ ngày 23/4/2025; Danh chỉ bản số 1477, lập ngày 30/6/2025 tại PC11B - Công an thành phố Hà Nội. Hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. *Xin vắng mặt.*

Bị hại:

1. Anh N.M.T2, sinh năm 19... Nơi thường trú: Số .., đường K, xóm G, phường T, thành phố Hà Nội. *Xin vắng mặt.*

2. Anh T.T.A3, sinh năm 19... Nơi ở: Khu nhà ở xã hội M, phường N, tỉnh Phú Thọ. *Vắng mặt.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh N.T.N, sinh năm 19... Nơi thường trú: Ngách ../.., phố T, Tổ 2, phường H, thành phố Hà Nội. *Xin vắng mặt.*

2. Chị T.T.P.T3, sinh năm 20... Nơi thường trú: Khu .., phường N, tỉnh Phú Thọ. *Xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07/5/2023 và ngày 02/8/2023, trên địa bàn xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội), N.Đ.A đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 07/5/2023, N.Đ.A đi đến quán bia gần đền thờ C trên đường K, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội), thì gặp anh N.M.T2 (sinh năm 1989, Nơi cư trú: Số .., đường K, phường T, thành phố Hà Nội) đang ngồi uống bia cùng anh N.D.T4 (sinh năm 19.., Nơi cư trú: Số .., đường K, phường T, thành phố Hà Nội). Tại đây, Đ.A biết anh T2 có xe máy Honda Wave BKS 29D1-414.38 màu đen bạc, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đ.A hỏi mượn xe máy Honda wave BKS 29D1-414.38 của anh T2 và nói để đi có việc một lúc, anh T2 đồng ý. Sau đó, Đ.A mang xe máy Honda wave BKS 29D1-414.38 đi cầm cố cho bạn xã hội tên H (sinh năm 19.., ở thôn S, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội nay là xã Đ, thành phố Hà Nội) (hiện chưa xác định được nhân thân) tại khu vực xã Đ, thành phố Hà Nội được số tiền 2.000.000 đồng. Đ.A tiêu xài cá nhân hết toàn bộ số tiền trên. Anh T2 nhiều lần gọi điện, nhắn tin và trực tiếp đến gặp Đ.A để yêu cầu trả xe nhưng Đ.A không trả và bỏ trốn.

Vụ thứ hai: Do Đ.A có quen biết với anh T.T.A3 (sinh năm 1992; Nơi cư trú: Phường N, tỉnh Phú Thọ) nên khoảng 11 giờ ngày 02/8/2023, anh T.A3 điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Nozza màu trắng BKS: 19P1-279.09 đến chơi nhà Đ.A ở số .., ngõ ../.., đường K, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội). Tại đây, Đ.A nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh T.A3, nên Đ.A hỏi mượn xe máy của anh T.A3 nói để đi chơi một lúc và anh T.A3 đồng ý cho Đ.A mượn xe. Sau đó, Đ.A mang xe đi cầm cố cho 01 bạn xã hội tên L (sinh năm 19.., ở phường H, quận H, thành phố Hà Nội nay là phường H, thành phố Hà Nội) (hiện chưa xác định được nhân thân) tại khu vực phường h,

thành phố Hà Nội được số tiền 4.000.000 đồng. Đ.A tiêu xài cá nhân hết toàn bộ số tiền trên. Khi anh T.A3 gọi điện cho Đ.A bảo trả xe, thì Đ.A nói đi sang nhà chị có việc một lúc sẽ về, nên anh T.A3 tiếp tục đợi đến 22 giờ cùng ngày, thì được Đ.A thông báo đã cầm cố xe với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, Đ.A kể lại sự việc trên cho chị N.T.N.M2 (sinh năm 19..; Nơi cư trú: Phường T, thành phố Hà Nội) để nhờ giúp đỡ, thì M2 bảo anh T.A3 cho Đ.A vay 3.500.000 đồng và M2 cho Đ.A vay 3.500.000 đồng để chuộc xe nhưng anh T.A3 không đồng ý. Đ.A gặp anh T.A3 và bảo anh T.A3 đưa đăng ký xe để đi chuộc xe về. Anh T.A3 đồng ý đưa đăng ký xe Yamaha Nozza BKS 19P1-279.09 cho Đ.A nhưng sau đó Đ.A cầm đăng ký xe bỏ đi, không trả lại xe cho anh T.A3. T.A3 gọi điện, nhắn tin nhiều lần cho Đ.A để đòi xe nhưng Đ.A không trả và bỏ trốn.

Tại Kết luận định giá số 154/KL-HĐDGTS ngày 29/9/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Trì kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển số 29D1-414.38, đã qua sử dụng, trị giá 1.859.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Nozza biển số 19P1-279.09, đã qua sử dụng, trị giá 23.845.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 25.704.000 đồng.

Quá trình điều tra, N.Đ.A đã bỏ trốn. Đến ngày 16/4/2025, N.Đ.A bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội (PC04) bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, N.Đ.A khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với N.T.N.M2, quá trình điều tra xác định M2 không tham gia chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Nozza màu trắng BKS: 19P1-279.09 của anh T.A3. Khi biết sự việc Đ.A chiếm đoạt xe của anh T.A3, Mai muốn giúp Đ.A khắc phục hậu quả, chuộc xe về trả cho anh T.A3 nhưng không được. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với M2 trong vụ án này.

Đối với hai đối tượng tên L, H (là người đã nhận cầm cố xe của Đ.A), quá trình điều tra xác minh tại Công an phường H và Công an xã Đ, thành phố Hà Nội chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng, không thu hồi được tài sản. Ngày 29/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định tách rút phần tài liệu có liên quan đối với L, H để tiếp tục xác minh, điều tra, xử lý sau.

Về dân sự: Đến nay tài sản không thu hồi được để trả lại cho bị hại, nên anh N.M.T2 yêu cầu N.Đ.A bồi thường số tiền 1.859.000 đồng; anh T.T.A3 yêu cầu N.Đ.A bồi thường số tiền 23.845.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 36/CT-VKS-KV11 ngày 05/9/2025, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội truy tố N.Đ.A về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ nhất, bị cáo N.Đ.A, anh N.M.T2, anh N.T.N, chị T.T.P.T3 đề nghị xét xử vắng mặt; anh T.T.A3 vắng mặt không có lý do, nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N.Đ.A mức án tù 20 tháng đến 24 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp với hình phạt 32 tháng tù của bản án chưa chấp thành, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 52 tháng đến 56 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh N.M.T2 số tiền 1.859.000 đồng, bồi thường thiệt hại cho anh T.T.A3 số tiền 23.845.000 đồng. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo N.Đ.A tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 07/5/2023, tại đường K, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội) N.Đ.A đã lừa đảo chiếm đoạt xe máy Honda Wave biển số 29D1-414.38 trị giá 1.859.000 đồng của anh N.M.T2. Ngày 02/8/2023, tại số ..., ngõ ../..., đường K, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội), N.Đ.A đã lừa đảo chiếm đoạt xe máy Yamaha Nozza biển số 19P1-279.09 trị giá 23.845.000 đồng của anh T.T.A3. Tổng giá trị tài sản N.Đ.A lừa đảo chiếm đoạt là 25.704.000 đồng. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do

đó, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo N.Đ.A thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N.Đ.A có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo N.Đ.A có nhân thân xấu, gồm 01 lần bị đưa vào trường giáo dưỡng và 01 tiền án về tội Cố ý gây thương tích, đã xóa án tích, thể hiện bị cáo đã được giáo dục nhiều lần, nhưng không rèn luyện, mà vẫn phạm tội.

[6] Về quyết định hình phạt: Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định *“Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo N.Đ.A, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự, Tòa án tổng hợp hình phạt tù của tội đang bị xét xử với hình phạt 32 tháng tù của Bản án số 12/2025/HS-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Tuy nhiên, do bị cáo N.Đ.A không có nghề nghiệp, tài sản, nên Tòa án không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Xe máy Honda Wave BKS 29D1-414.38 màu đen bạc thuộc sở hữu của anh N.T.N, anh N không có nhu cầu sử dụng, nên đã cho anh N.M.T2 (là anh em đồng hao) sử dụng, định đoạt. Xe máy Yamaha Nozza BKS 19P1-279.09 màu trắng thuộc sở hữu của chị T.T.P.T3, chị T3 thường xuyên đi công tác, nên đã cho anh T.T.A3 (là anh ruột) sử dụng, định đoạt. Do các tài sản bị chiếm đoạt đến nay không thu hồi được, nên buộc bị cáo N.Đ.A phải bồi

thường thiệt hại cho anh N.M.T2 số tiền 1.859.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho anh T.T.A3 số tiền 23.845.000 đồng.

[9] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo N.Đ.A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt N.Đ.A 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 32 (Ba mươi hai) tháng tù của Bản án số 12/2025/HSST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, buộc N.Đ.A chấp hành hình phạt chung là 54 (Năm mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với N.Đ.A.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 62 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc N.Đ.A phải bồi thường thiệt hại cho anh N.M.T2 số tiền 1.859.000 đồng (Một triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng), phải bồi thường thiệt hại cho anh T.T.A3 số tiền 23.845.000 đồng (Hai mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo N.Đ.A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.285.200 đồng (Một triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo N.Đ.A, bị hại là anh N.M.T2, anh T.T.A3 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh N.T.N, chị T.T.P.T3 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Tp. Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 - Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS khu vực 11 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam